TỈNH ỦY TRÀ VINH

**BAN TUYÊN GIÁO**

**\***

**CHUYÊN ĐỀ NĂM 2023**

**“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

**về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy khát vọng**

**xây dựng quê hương Trà Vinh phát triển trong giai đoạn mới”**

*Trà Vinh, tháng 11 năm 2022*

**LỜI NÓI ĐẦU**

Đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là nội dung quan trọng trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý nghĩa lịch sử thời đại sâu sắc, là kim chỉ nam dẫn dắt, soi đường cho Cách mạng nước ta nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng trong giai đoạn mới. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: *“Động lực và nguồn động lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*[[1]](#footnote-1). Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 cũng khẳng định: *“…phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của con người Trà Vinh”*.

Thực hiện Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 80-KH/TU, ngày 12/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên soạn chuyên đề năm 2023, 2024, 2025 về *“học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”,* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì biên soạn chuyên đề *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Trà Vinh phát triển trong giai đoạn mới”*để sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong tỉnh năm 2023.

*Bên cạnh lời nói đầu, nội dung chuyên đề gồm ba phần:*

I- Nội dung cốt lõi tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

II- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, tạo động lực khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Trà Vinh phát triển trong giai đoạn mới.

III- Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Trà Vinh phát triển trong giai đoạn mới.

Xin trân trọng giới thiệu chuyên đề đến các đồng chí !

BAN BIÊN SOẠN

**NỘI DUNG**

**I- NỘI DUNG CỐT LÕI TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC:**

**1. Nội dung cốt lõi tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.**

* 1. ***Đoàn kết là một truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc Việt Nam***

Đoàn kết là một giá trị văn hóa truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, được hình thành và phát triển trong lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, tạo nên sức mạnh vô địch, đưa nước ta, dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích vẻ vang.

Thời đại các vua Hùng dựng nước - chấm dứt thời kỳ tồn tại hàng vạn năm của công xã nguyên thủy - thời kỳ người Việt cổ biết trồng trọt, chăn nuôi, dùng súc vật để kéo cày, trồng lúa nước, làm thủy lợi… đã tạo ra tiền đề ổn định, gia tăng sự gắn kết cộng đồng, một giá trị văn hóa mới được hình thành, đó là tinh thần đoàn kết. Đến thời đại An Dương Vương dựng nước Âu Lạc, kế tục sự phát triển truyền thống văn hóa ấy, cùng với sự sáng tạo độc đáo trong việc chế tác vũ khí chống giặc (đã chế tạo được loại nỏ bắn nhiều phát một lần, với mũi tên bằng đồng có ba cạnh sắc) và kỹ thuật xây dựng thành lũykiên cố khiến quân nhà Tần, sau đó là Triệu Đà đã nhiều lần đưa quân đánh phá Âu Lạc nhưng đều thất bại.

Thời kỳ Bắc thuộc trên một ngàn năm, dù bị thống trị và bóc lột tàn bạo, nhưng nhân dân ta đã đoàn kết, kiên cường đấu tranh để giữ vững bản sắc văn hóa, để giữ gìn tiếng nói, phong tục tập quán của mình, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao nền văn hóa, văn minh của người Việt, củng cố tinh thần tự lực tự cường, tăng thêm ý chí đấu tranh giành độc lập tự chủ - truyền thống đoàn kết trong công cuộc dựng nước và giữ nước tiếp tục được phát huy cao độ.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh, là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết toàn của dân tộc đã được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết với quyết tâm *dù có hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng kiên quyết giành cho được độc lập*, hơn 20 triệu người dân Việt Nam đã nhất tề đứng dậy giành chính quyền làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, đem lại nền độc lập cho dân tộc và quyền tự do cho nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, với ý chí quyết tâm sắt đá và sự đồng lòng của cả dân tộc: *Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc…* đã phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vừa kháng chiến, vừa kiến quốc trong suốt 9 năm chống thực dân Pháp lâu dài, gian khổ, để cuối cùng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ *lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*.

Công cuộc chống Mỹ cứu nước trường kỳ, gian khổ, với khát vọng cháy bỏng của cả dân tộc Việt Nam: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*” đã được phát huy, lôi cuốn đông đảo mọi tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua chiến đấu, lao động sản xuất. Nhờ đó, dân tộc Việt *Nam đã huy động cao độ sức mạnh chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực* để *đánh cho* *Mỹ cút*, *đánh cho Ngụy nhào*, và cuối cùng với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 thắng lợi đã thuộc về dân tộc ta, kết thúc vẻ vang sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất Tổ quốc, Việt Nam bước sang giai đoạn mới - xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt từ khi đổi mới đến nay, tinh thần đoàn kết của dân tộc ta tiếp tục được phát huy, bằng nhiều hình thức tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; toàn dân đoàn kết cùng nhau giải quyết những khó khăn về đời sống, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy ý chí, sức mạnh văn hóa, tạo sự thống nhất và đồng thuận trong xã hội; triển khai sâu rộng và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, những cuộc vận động ấy đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, phát huy tinh thần thi đua sáng tạo và huy động các nguồn lực trong xã hội, tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đặc biệt, từ đầu năm 2020 đến nay khi đại dịch Covid - 19 bùng phát, diễn biến rất phức tạp trên toàn cầu và ở Việt Nam, toàn dân ta đoàn kết, đồng lòng thực hiện “chống dịch như chống giặc” để đẩy lùi dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và ổn định phát triển sản xuất, thực hiện mục tiêu kép được quốc tế đánh giá cao. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận  và các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện sâu rộng, đã làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Người thấm sâu vào suy nghĩ và hành động của các tầng lớp nhân dân, tạo động lực thúc đẩy việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết ngay tại địa phương, cơ sở và địa bàn dân cư. Kết quả đó còn cho thấy chúng ta đã phát huy giá trị văn hoá dân tộc, nhất là giá trị văn hóa truyền thống đoàn kết, tập hợp được sức mạnh con người Việt Nam, sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng và phát huy mạnh mẽ thế trận lòng dân, làm cho đất nước ta có được ***cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín*** lớn như ngày nay. Đó là cơ sở quan trọng cho đất nước ta có thể lập nên những kỳ tích phát triển mới.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu: “Chúng ta đều đã biết, đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu, làm nên sức mạnh vô địch của dân tộc ta, được hun đúc trong suốt chiều dài lịch sử, trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Ông cha ta đã từng tổng kết: “Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”; “Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”; “Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”; “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”… Đến thời đại Hồ Chí Minh, xây dựng ý chí và tinh thần đoàn kết được xác định là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[[2]](#footnote-2).

***1.2. Đại đoàn kết là tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc, trong đó liên minh giữa nông dân, công nhân và trí thức là nòng cốt.***

Với tư tưởng "dân là gốc", Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của nhân dân và sức mạnh đoàn kết của nhân dân: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"[[3]](#footnote-3). Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân có một nội hàm rất rộng, để chỉ tất cả mọi con dân của nước Việt Nam nói chung. Do đó, đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các chính đảng, đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, quay về với chính nghĩa của dân tộc. Đoàn kết trong tư tưởng của Người là đoàn kết rộng rãi, mở rộng và tranh thủ tất cả những lực lượng và bộ phận có thể tranh thủ sức mạnh của họ: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ. Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"[[4]](#footnote-4).

Theo Hồ Chí Minh, cốt lõi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân dân lao động mà trước hết là công nhân, nông dân. Người khẳng định: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác"[[5]](#footnote-5). Trong các tầng lớp nhân dân lao động khác mà Hồ Chí Minh nhắc đến, Người chú trọng đến đội ngũ trí thức vì đó là những người có thể giúp cho nước nhà phát triển và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Người viết: "Trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối"[[6]](#footnote-6). Như vậy, khác với các nhà cách mạng tiền bối không chỉ nhìn ra vai trò của giai cấp nông dân hoặc tầng lớp sĩ phu trí thức, Hồ Chí Minh còn thấy được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân lao động và chỉ ra sự cần thiết phải đoàn kết, tập hợp họ thành một khối thống nhất, cùng với các giai cấp, tầng lớp khác để tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là tư tưởng tiến bộ của Hồ Chí Minh, trên cơ sở kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của Người về việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc... để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta cần đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”[[7]](#footnote-7).

Trước sau như một, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán xác định đoàn kết là giá trị cốt lõi trong kho tàng truyền thống quý báu của dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu mang đến thành công cho cách mạng Việt Nam. Đây cũng là giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho chiến lược đại đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam đi tới thắng lợi.

***1.3. Nguyên tắc đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.***

Cách mạng Việt Nam trải qua những thời kỳ lịch sử khác nhau, song chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh luôn được xây dựng, hoàn thiện và tuân theo những nguyên tắc nhất quán sau:

*Thứ nhất,**đại đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích của nhân dân lao động và quyền thiêng liêng của con người:*

Trong mỗi quốc gia dân tộc bao giờ cũng tồn tại những tầng lớp, giai cấp khác nhau. Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp lại có lợi ích khác nhau nhưng tất cả các lợi ích khác nhau đó đều có một điểm chung là lợi ích dân tộc. Quyền lợi của các tầng lớp, giai cấp có thực hiện được hay không còn phụ thuộc vào dân tộc đó có được độc lập tự do, có đoàn kết hay không và việc nhận thức, giải quyết đúng đắn các quan hệ lợi ích đó như thế nào. Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thu hẹp đến mức thấp nhất những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn và Người bao giờ cũng tìm ra những yếu tố của đoàn kết dân tộc thay cho sự đào sâu tách biệt, thực hiện sự quy tụ thay cho việc loại trừ những yếu tố khác nhau về lợi ích. Theo Hồ Chí Minh, lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, là bình đẳng, dân chủ, tự do. Lợi ích tối cao này là ngọn cờ đoàn kết, là sức mạnh dân tộc và là nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là nguyên tắc bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh để Người tìm ra những phương pháp để thực hiện nguyên tắc đó trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của mình.

*Thứ hai, tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của dân*

Đây là nguyên tắc xuất phát từ tư tưởng dân là gốc của ông cha ta được Người kế thừa và nâng lên một bước trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Tin vào dân, dựa vào dân và lấy dân làm gốc có nghĩa là phải tin tưởng vững chắc vào sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo của nhân dân, phải đánh giá đúng vai trò của lực lượng nhân dân. Người viết: “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”[[8]](#footnote-8).

*Thứ ba, đại đoàn kết một cách tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo; đại đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững*

Theo Hồ Chí Minh, có đoàn kết mới tạo nên sức mạnh của cách mạng. Muốn đoàn kết thì trước hết phải có Đảng cách mạng để trong thì vận động, tổ chức dân chúng, ngoài thì liên minh với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản ở mọi nơi. Như vậy, để đoàn kết và lãnh đạo cách mạng, điều kiện tiên quyết là phải có một Đảng cách mạng để tập hợp quần chúng trong nước và tổ chức, giữ mối liên hệ với bè bạn ở ngoài nước. Đảng cách mạng muốn thống nhất về chính trị và tư tưởng, đảm bảo được vai trò đó, thì phải giữ vững bản chất của giai cấp công nhân, phải được vũ trang bằng chủ nghĩa chân chính, khoa học và cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin: *Để làm trọn trách nhiệm người lãnh đạo cách mạng, Đảng ta phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân. Có như thế mới phát triển và củng cố được lực lượng cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.*

Đại đoàn kết một cách tự giác là một tập hợp bền vững của các lực lượng xã hội có định hướng, tổ chức và có lãnh đạo. Đây là sự khác biệt mang tính nguyên tắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến lược đại đoàn kết dân tộc với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và một số lãnh tụ cách mạng trong khu vực và trên thế giới. Đi vào quần chúng, thức tỉnh quần chúng, đoàn kết quần chúng vào cuộc đấu tranh tự giải phóng mình là mục tiêu nhất quán của Hồ Chí Minh.

*Thứ tư, đại đoàn kết chân thành, thân ái, thẳng thắn theo nguyên tắc tự phê bình, phê bình vì sự thống nhất bền vững*

Giữa các bộ phận của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng còn có những điểm khác nhau cần phải giải quyết theo con đường đối thoại, bàn bạc để đi đến sự nhất trí; bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, một mặt Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”; mặt khác, Người nêu rõ: Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết và căn dặn mọi người phải ngăn ngừa tình trạng đoàn kết xuôi chiều, nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục những mặt chưa tốt, củng cố đoàn kết: *Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân*.

Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển, Đảng ta và Mặt trận dân tộc thống nhất luôn đấu tranh chống khuynh hướng hẹp hòi, một chiều, chống coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được; đồng thời chống khuynh huớng đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong khối đại đoàn kết dân tộc. “Chúng ta làm cách mạng nhằm mục đích cải tạo thế giới, cải tạo xã hội. Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết phải tự cải tạo bản thân chúng ta”.

*Thứ năm, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân*

Ngay khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và chỉ có thể giành được thắng lợi hoàn toàn khi có sự đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Trong quá trình cách mạng, tư tưởng cuả Người về vấn đề đoàn kết với cách mạng thế giới càng được làm sáng tỏ hơn và đầy đủ hơn. Cách mạng Việt Nam phải gắn với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng tiến bộ đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hoà bình thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công 3 tầng Mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt-Miên-Lào và Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đây là sự phát triển rực rỡ và là thắng lợi to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công. Đoàn kết trong Đảng là cơ sở để đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở để thực hiện đại đoàn kết quốc tế. Tư tưởng Đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thực hiện thành công là một nhân tố quyết định cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn và đưa cách mạng Việt Nam lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

***1.4. Phương pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.***

Phương pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh không cứng nhắc, không “nhất thành bất biến” mà linh hoạt, phát triển, thích ứng với sự vận động, biến đổi của thực tiễn khách quan. Dưới đây là các phương pháp cơ bản:

*(1).* *Tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng:* Tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng là một khoa học, nghệ thuật cách mạng. Do vậy, vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là việc tìm tòi, lựa chọn các nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động phải phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi của quần chúng.

Tùy theo hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh đã đưa vào cương lĩnh của Đảng những mục tiêu chiến lược. Đó cũng là những nội dung tuyên truyền, giáo dục, khẩu hiệu hành động phản ánh đúng những đòi hỏi cấp bách của lịch sử, những khát vọng cháy bỏng của nhân dân. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, Người nêu cao mục tiêu chiến lược: độc lập dân tộc, người cày có ruộng và dù phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập, tự do. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nhấn mạnh: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Trong chống Mỹ, cứu nước, Người khẳng định: Không có gì quý hơn độc lập tự do. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người xác định mục tiêu: Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh để ai cũng có cơm ăn, áo mặc và được học hành, để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Đồng thời với việc xác định những nội dung tuyên truyền, giáo dục hết sức độc đáo và sáng tạo, phù hợp với tâm lý, nguyện vọng chung nhất của cả dân tộc, Hồ Chí Minh còn rất nhạy cảm, sáng suốt trong việc chỉ ra những nội dung tuyên truyền, vận động sát hợp với từng giai cấp, từng cộng đồng xã hội. Hồ Chí Minh thấu hiểu tất cả, cảm thông tất cả, phấn đấu và hy sinh vì tất cả những khát vọng, ước mơ sâu lắng của dân tộc và của mỗi con người. Do vậy, tư tưởng đại đoàn kết của Người có sức mạnh vô địch, sức sống bất diệt. Nội dung tuyên truyền, giáo dục đúng đắn phải đi liền với việc sử dụng các hình thức tuyên truyền, vận động quần chúng sát hợp với từng đối tượng, không gian và thời gian.

Hồ Chí Minh là một mẫu mực trong sử dụng hình thức tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng. Người nói, viết bao giờ cũng ngắn gọn, dễ hiểu, vừa sâu sắc, vừa bình dị. Phong cách tuyên truyền của Người cũng rất độc đáo và gần gũi. Những vấn đề lớn của cách mạng, của chủ nghĩa Mác-Lênin, được Người trình bày bằng những ngôn ngữ thông thường, rất gần gũi với người lao động, người Việt Nam. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh đã nêu phương châm tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng: nói, viết để ai cũng hiểu được, hiểu được thì nhớ được, nhớ được thì làm được. Tất cả chỉ tập trung vào hai chữ: cách mạng, cách mạng và cách mạng.

*(2). Phương pháp tổ chức:*Xây dựng hệ thống chính trị cách mạng hoàn chỉnh là vấn đề quan trọng bậc nhất trong phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh.

- Đảng Cộng sản là người khởi xướng, vun đắp, lãnh đạo khối đại đoàn kết. Để hoàn thành sứ mệnh đó, Đảng Cộng sản phải được xây dựng trong sạch, vững mạnh. Đảng Cộng sản phải là một đảng trí tuệ, cách mạng và thống nhất. Chỉ có một Đảng như vậy mới đủ sức tập hợp, xây dựng, lãnh đạo được khối đại đoàn kết.

- Khi giành được chính quyền, vai trò và hoạt động của Nhà nước cách mạng có ảnh hưởng to lớn đến khối đại đoàn kết. Là người tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, mỗi chủ trương, chính sách, việc làm của Nhà nước tác động trực tiếp đến cuộc sống, đến lợi ích và tâm tư, tình cảm của nhân dân, đến khối đại đoàn kết. Do vậy, sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng củng cố Nhà nước cách mạng; thường xuyên giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước phải trung thành, tận tụy phục vụ nhân dân, vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ của nhân dân. Chỉ có một nhà nước như vậy mới đoàn kết, tập hợp được nhân dân.

- Các đoàn thể quần chúng là tổ chức trực tiếp tập hợp, đoàn kết các giai tầng xã hội. Các đoàn thể quần chúng hợp thành khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi bao nhiêu, càng chặt chẽ thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu.

Xây dựng, củng cố, phát triển các đoàn thể quần chúng là một quá trình cách mạng hết sức công phu, đòi hỏi Đảng cộng sản và những người cách mạng phải có phương pháp khoa học, phải kiên trì và sáng tạo. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính sách mặt trận là chính sách rất quan trọng. Công tác mặt trận là công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam”[[9]](#footnote-9).

*(3). Phương pháp xử lý các mối quan hệ nhằm mở rộng đến mức cao nhất trận tuyến cách mạng và thu hẹp đến mức thấp nhất trận tuyến thù địch*

Trong cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, bao giờ lực lượng cũng phân thành 3 tuyến: cách mạng - trung gian - phản cách mạng. Thành bại trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa cách mạng và phản cách mạng không chỉ tùy thuộc vào sức mạnh tự thân của hai lực lượng đối địch, mà còn tùy thuộc một phần rất lớn vào việc bên nào tranh thủ được sự ủng hộ của lực lượng trung gian. Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là phương pháp xử lý mối tương quan giữa ba lực lượng đó bằng thái độ và các giải pháp ứng xử khoa học.

Theo Hồ Chí Minh, sự đoàn kết thống nhất của các lực lượng cách mạng là điều kiện tiên quyết giúp cho việc thu hút tập hợp các lực lượng trung gian vào trận tuyến cách mạng và cô lập cao độ thế lực thù địch. Do vậy, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh với lực lượng cách mạng là khai thác, phát huy sự thống nhất, tương đồng, hạn chế, tiến tới thu hẹp sự khác biệt về mục tiêu, lợi ích. Với lực lượng trung gian, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là xoá bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, khơi gợi, cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước; chân thành hợp tác và trọng dụng. Người nhiều lần tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào. Hồ Chí Minh thường căn dặn: Chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân, vì nước; “Điều cần thiết nhất cho chúng ta là đoàn kết, cần phải xoá bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ, để phục vụ nhân dân”.

Với các thế lực thù địch của cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải chủ động, kiên quyết tiến công tiêu diệt trên cơ sở phân hoá, cô lập chúng đến cao độ. Phương pháp của Người có nhiều cấp độ: chăm chú theo dõi, khai thác mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù; lôi kéo, tranh thủ hoà hoãn với những lực lượng nào có có thể tranh thủ, hoà hoãn được; thu hẹp và cô lập lực lượng thù địch nguy hiểm, trực tiếp nhất. Đối với những thế lực phản động, ngoan cố nhất thì phải “kiên quyết không ngừng thế tấn công” và “hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”.

Tóm lại, phương pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự nhận thức và giải quyết một cách khoa học, hiệu quả các mối quan hệ đan xen, phức tạp giữa giai cấp - dân tộc, quốc gia - quốc tế, truyền thống - hiện đại.

***1.5. Đại đoàn kết toàn dân tộc là xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là điều kiện để thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.***

Đoàn kết vừa là một giá trị văn hóa truyền thống quý báu được hình thành, phát triển trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, giúp dân tộc Việt Nam vượt qua bao thách thức, biến cố và viết nên những trang sử chói lọi... Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn xác định “đoàn kết” là giá trị cốt lõi và “đại đoàn kết toàn dân tộc” là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là tư tưởng xuyên suốt và nhất quán trong tư duy lý luận và trong hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trở thành chiến lược cách mạng của Đảng ta, là động lực to lớn tạo nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 19/8/1945 cả dân tộc Việt Nam triệu người như một, “nhất tề đứng lên” tạo thành một sức mạnh to lớn, giành chính quyền về tay nhân dân, mở ra kỷ nguyên của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Thành công của cuộc cách mạng vĩ đại này chỉ có thể bởi lòng yêu nước thiết tha và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ.

Đại diện Chính phủ lâm thời, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước toàn thể quốc dân đồng bào và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và cũng từ đây cả dân tộc bước vào thời kỳ “kháng chiến kiến quốc”. Đây là thời kỳ vô cùng khó khăn khi ta phải đương đầu với cả giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm… Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục phát huy vai trò quy tụ sức mạnh đoàn kết dân tộc, giúp nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sau ngày đất nước thống nhất, cả dân tộc lại bước vào những cuộc chiến đấu để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Trong chặng đường vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa, vừa bảo vệ nền độc lập non trẻ ấy, đất nước lại nhiều năm chịu sự tác động, ảnh hưởng của bao vây, cấm vận và những khó khăn, trì trệ từ kinh tế-xã hội.

Nhưng bằng sức mạnh to lớn của tinh thần đoàn kết, bằng máu và mồ hôi của lớp lớp người Việt Nam, đất nước đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức. Một dải bờ cõi của Tổ quốc được giữ vững, chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia được bảo đảm. Trên chặng đường gian khó mà hào hùng đó, Đảng ta luôn xác định: đoàn kết là một chính sách dân tộc, là phương pháp cách mạng, là nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đất nước bước sang trang sử mới - đổi mới toàn diện, đường lối, chủ trương của Ðảng, Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được hoàn thiện và thể chế hóa bằng các chính sách, pháp luật. Các tầng lớp nhân dân đã nỗ lực chung sức, chung lòng cùng Ðảng, Nhà nước vượt qua khó khăn, thử thách, giữ vững sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và tiếp tục nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Và trong thời bình, trong cơn hoạn nạn vì đại dịch COVID-19, tính nhân văn của người Việt Nam được lan tỏa rộng khắp và đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được phát huy. Càng trong khó khăn, gian khổ, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái càng phải được khơi dậy, phát huy. Trước bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định chủ trương nhất quán và nhân văn của Đảng, Nhà nước Việt Nam, luôn quan tâm, coi trọng việc chăm sóc, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân là trên hết, trước hết. Từ trong khó khăn, chúng ta đã được thấy một Việt Nam phát huy sức mạnh tổng hợp với những phẩm chất, đức tính tốt đẹp, tinh thần đoàn kết, bao dung, sự chia sẻ, nhiều câu chuyện cảm động về tinh thần đại đoàn kết, nghĩa cử cao đẹp của đồng bào, chiến sỹ cả nước, kiều bào ta đã kịp thời hỗ trợ, động viên đồng bào nơi tâm dịch và công tác phòng, chống dịch COVID-19 nói chung. Nhờ sự huy động kịp thời, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, việc thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 đã diễn ra ở quy mô chưa có tiền lệ và đạt được những kết quả tích cực. Kết quả đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân không thể phủ nhận đó là tinh thần đoàn kết của cả dân tộc... Trải qua không ít gian nan có lúc tưởng chừng “như ngàn cân treo sợi tóc”, song con thuyền Việt Nam vẫn vững vàng, nhờ đồng tâm hiệp lực, ý chí độc lập, tự cường và lòng khao khát hòa bình. Những yếu tố đó góp phần định hình nên tầm vóc quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân so với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo đó, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân là một trong những cơ sở để nâng cao và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Dân có được “là chủ, làm chủ”, được thực hiện trên thực tế các quyền dân chủ, làm chủ thì họ mới có khả năng tham gia một cách hiệu quả vào các công việc của Nhà nước và xã hội, từ đó mới có niềm tin với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Chính niềm tin này dẫn tới sự đồng thuận xã hội, sự đoàn kết, đồng lòng theo Đảng, Nhà nước, thực hiện các mục tiêu mà Đảng đề ra, được Nhà nước thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Đồng thời, nhờ phát huy dân chủ, quyền làm chủ, nhân dân có khả năng tham gia góp ý, phản biện, giám sát và thực hiện ngày càng hiệu quả hơn các mục tiêu đã chọn. Đảng, Nhà nước cũng nhờ sự tham gia đóng góp, sáng tạo của nhân dân mà dần hoàn thiện các định hướng, đường lối lãnh đạo và mục tiêu chung. Khi và chỉ khi thực hiện được điều này, thì đường lối lãnh đạo của Đảng mới ngày càng đúng đắn, hoàn thiện hơn; nhân dân ngày càng tin tưởng và tích cực thực hiện theo đường lối của Đảng nhiều hơn; dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng hiện thực và thực chất hơn.

**2. Nội dung cốt lõi tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.**

***2.1. Nhận thức sâu sắc và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.***

Trong hành trình khát vọng đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhận thức sâu sắc và kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng của Người đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để đưa đến tự do, hạnh phúc, đi tới xã hội cộng sản. Chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc những thành quả độc lập dân tộc một cách triệt để, tạo điều kiện cho phát triển dân tộc. Nếu chỉ có được độc lập, cách mạng mới đi được một chặng đường, nhiệm vụ quan trọng hơn của cách mạng là phải xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thật sự cho tất cả mọi người. Người khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng triệt để các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm cho một nền độc lập thật sự, chân chính, ở đó, “xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”[[10]](#footnote-10). Đây là con đường tất yếu.

Sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tiếp thu lý tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, Hồ Chí Minh đã khẳng định: đối với Việt Nam không có con đường nào đúng đắn và phù hợp hơn là con đường Cách mạng vô sản, con đường cách mạng toàn diện, sâu sắc, triệt để, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Người soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau thể hiện ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn phù hợp với yêu cầu xã hội và nguyện vọng của nhân dân ta, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Trong thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc 1939 - 1945, tại Hội nghị Trung ương tám, lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Khi thời cơ giành chính quyền đến, Người chỉ rõ: Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh là sự khẳng định đầu tiên về con đường cách mạng giải phóng dân tộc thuộc phạm trù cách mạng vô sản, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong bản *Tuyên ngôn độc lập* bất hủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định và tuyên bố với toàn thế giới về quyền độc lập dân tộc và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam. Trong đó, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ vừa là tiền đề, vừa là điều kiện tiên quyết của chế độ dân chủ, tạo tiền đề để Việt Nam xây dựng một chế độ mới, đem lại cuộc sông ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong thời kỳ cách mạng 1945 - 1954, chúng ta tiến hành bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng những cơ sở đầu tiên của chế độ dân chủ nhân dân, tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đứng trước tình thế thù trong, giặc ngoài đầy cam go, thử thách, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân khôn khéo vừa xây dựng củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, vừa chuẩn bị lực lượng, tổ chức kháng chiến chống Pháp, kiên định mục tiêu cách mạng đã lựa chọn. Thời kỳ này, Người tiếp tục bổ sung phát triển những quan điểm, lý luận về con đường cách mạng Việt Nam: xác định mục tiêu, động lực, các điều kiện bảo đảm thắng lợi của từng giai đoạn cách mạng kết hợp giải quyết các nhiệm vụ dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tạo tiền đề đẩy cách mạng phát triển lên giai đoạn cao hơn. Nét đặc sắc này được thể hiện thông qua đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng từng bước chế độ mới.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung, phát triển về con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới, thể hiện tập trung trong việc xây dựng và chỉ đạo tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua việc giải quyết thành công mối quan hệ giữa cách mạng hai miền, thực chất là cụ thể hoá con đường cách mạng vô sản, có sự gắn bó mật thiết giữa nhiệm vụ dân tộc dân chủ với chủ nghĩa xã hội, một lần nữa cho thấy sự tài tình, tầm nhìn trong tư duy lý luận và thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cũng trong thời kỳ này, Người tiếp tục hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm rõ đặc điểm lớn nhất của Việt Nam khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước, cách thức, biện pháp, bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Một lần nữa, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã được giương cao làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thành tựu của quá trình xây dựng và đổi mới đất nước tiếp tục chứng minh, khẳng định sức sống và tính tất yếu của con đường cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Ngày nay, công cuộc đổi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta có nhiều thuận lợi rất cơ bản, song cũng đang đứng trước những khó khăn và thách thức phức tạp. Do đó, hơn lúc nào hết, chúng ta phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới bảo vệ được vững chắc độc lập dân tộc và có giữ vững độc lập dân tộc mới xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Thực hiện mục tiêu đó trong tình hình hiện nay, đòi hỏi mỗi chúng ta phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, quyết không bao giờ được tách rời dựng nước với giữ nước, tách rời bảo vệ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Đồng thời phải kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, mưu toan làm chệch hướng con đường và mục tiêu của cách mạng Việt Nam mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn. Hiện nay và trong những năm sắp tới, tình hình quốc tế, khu vực và trong nước còn tiếp tục có nhiều biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Vì vậy, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo vượt mọi khó khăn, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Muốn vậy, cần phải phát huy sức mạnh nội lực, dựa vào sức mình là chính để đưa đất nước tiến lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đảm bảo cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đồng thời phải không ngừng nâng cao trình độ khoa học công nghệ, kỹ thuật quân sự, tích cực thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu, đầu tư xây dựng ngành công nghiệp quốc phòng ngày càng lớn mạnh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước. Đi đôi với việc coi trọng, phát huy thế mạnh, tiềm năng đất nước, cần mở rộng tăng cường hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dựng nước đi đôi với giữ nước cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn đi đôi với nhau là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Chỉ có xây dựng đất nước giàu mạnh với chế độ chính trị ưu việt mới tạo ra nguồn lực dồi dào cho sự nghiệp giữ nước. Có xây dựng được nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đủ sức răn đe và đánh bại mọi kẻ thù thì mới giữ được hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho đất nước phát triển bền vững.

Hiện nay, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, mưu toan xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vì vậy, hơn lúc nào hết chúng ta cần phải thường xuyên nêu cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã phấn đấu giành được.

Để chống lại có hiệu quả những âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, cần nắm vững quan điểm dân là gốc, dựa chắc vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, tổ chức phối hợp chặt chẽ và tiến hành đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao. Đồng thời, đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, chống mọi biểu hiện mơ hồ, ảo tưởng đối với kẻ thù và mọi luận điệu chiến tranh tâm lý của chúng.

Thực tiễn cách mạng cho thấy, cội nguồn mọi thắng lợi của dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh là do Đảng ta nhận thức đúng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nhu cầu sống còn, là lựa chọn duy nhất của cách mạng Việt Nam trong tiến trình hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

***2.2. Xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội phát triển bền vững, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu; giữ vững quốc phòng, an ninh.***

Thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải xây dựng chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, thật sự vì dân, xây dựng đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội văn minh, tiến bộ với những giá trị đạo đức tốt đẹp. Muốn vậy, phải xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, đồng thời giữ vững quốc phòng, an ninh nhằm không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân. Người chỉ rõ, kinh tế là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, vì vậy phải xây dựng kinh tế làm cơ sở cho sự phát triển văn hóa - xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh định hướng, nền kinh tế chúng ta hướng đến và xây dựng là một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Người chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, gồm các hình thức sở hữu chính: sở hữu của Nhà nước (nhà nước đại diện dân quản lý); sở hữu của hợp tác xã, tức là của tập thể nhân dân lao động; sở hữu của người lao động riêng lẻ; sở hữu của nhà tư bản. Trong đó, hình thức sở hữu toàn dân giữ vai trò lãnh đạo nền kinh tế quốc dân. Đất nước giành được độc lập, vấn đề kiến thiết, phát triển kinh tế - xã hội trở nên cấp thiết. Ngày 31/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 78/SL về việc thiết lập “Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc” của Chính phủ. Phát biểu trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban ngày 10/01/1946, Người mong muốn mọi người “đem tài năng tri thức lo bồi bổ về mặt kinh tế và xã hội”[[11]](#footnote-11), “Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành”. Trong Thư gửi các giới công thương Việt Nam, Người viết: “Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới Công - Thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới Công -Thương trong công cuộc kiến thiết này”[[12]](#footnote-12). Người nhấn mạnh, nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Các nhà công nghiệp, thương nghiệp hãy cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nước muốn giàu mạnh thì phải phát triển nông nghiệp”, “Chúng ta phải quý mỗi tấc đất như một tấc vàng”[[13]](#footnote-13). Người khuyến khích: “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh, thì cần phải có hợp tác xã”[[14]](#footnote-14) . Kinh tế nước ta lạc hậu, tàn dư chế độ cũ để lại hết sức phức tạp, sức sản xuất chưa phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân thấp kém. Do vậy, “nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải *xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*.... có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thực sự của nhân dân ta. Người viết: “Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi: dùng máy móc cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Máy sẽ chắp thêm tay cho người, làm cho sức người tăng lên gấp trăm, nghìn lần và giúp người làm những việc phi thường. Muốn có nhiều máy, thì phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, ra thép, than, dầu...”[[15]](#footnote-15) .

Người yêu cầu, “muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển công nghiệp nhưng đồng thời cũng phải phát triển nông nghiệp, vì hai ngành đó khăng khít với nhau... Nếu ngành công nghiệp phát triển mà ngành nông nghiệp không phát triển thì khập khễnh như ngƣời đi một chân”. Xuất phát từ đặc điểm kinh tế nước ta, sản xuất nông nghiệp giữ vị trí chủ đạo, Hồ Chí Minh chủ trương phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác, để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà. Người kêu gọi: “Nhân dân ta, đặc biệt là công nhân và nông dân ta, phải hăng hái *thi đua yêu nước,* thực hiện khẩu hiệu: *làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ”;* “Tự lực cánh sinh, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”. Bên cạnh đó, phải coi trọng nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, phục vụ sản xuất. Coi trọng quản lý, hạch toán kinh tế, coi đây là chìa khoá phát triển kinh tế quốc dân. Chú ý chính sách mở cửa và hợp tác quốc tế, thu hút ngoại lực, hỗ trợ phát triển sản xuất trong nước. Cùng với đẩy mạnh sản xuất, phát triển vững chắc nền tảng kinh tế - xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của quốc phòng, an ninh nhằm đảm bảo và giữ vững thành quả cách mạng của dân tộc. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945, Người chỉ rõ: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”[[16]](#footnote-16) .

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn nhắc nhở: “Chúng ta phải ra sức bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình, cho nên chúng ta phải *củng cố quốc phòng*”[[17]](#footnote-17).Ngay sau khi thành lập chính quyền cách mạng, Người cùng Chính phủ bắt tay vào việc chỉ đạo chuẩn bị lực lượng kháng chiến, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người luôn căn dặn các lực lượng vũ trang và nhân dân không được lơ là, mất cảnh giác, vừa phải tập trung sản xuất, vừa phải giữ gìn an ninh, trật tự xã hội. Mọi sự lơ là, mất cảnh giác đều dẫn đến hậu quả nguy hại cho cách mạng, sự tồn vong của Tổ quốc. Người viết: “trong khi ra sức sản xuất, nhân dân ta phải luôn luôn sẵn sàng đập tan âm mưu địch phá hoại thành quả lao động của chúng ta. Quân đội, công an, dân quân cần tiếp tục phát huy truyền thống chiến đấu dũng cảm, củng cố quốc phòng, trật tự, an ninh”. Người chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, bao gồm quân đội và công an thật sự là lực lượng nòng cốt để giữ vững quốc phòng, an ninh, đảm bảo chủ quyền, độc lập dân tộc, quyền lợi và hạnh phúc chính đáng của nhân dân. “Quân đội ta phải kiên quyết bảo vệ những thành quả của cách mạng, tích cực tham gia công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội”[[18]](#footnote-18). Phải kết hợp chặt chẽ giữa thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chung của cách mạng.

Duy trì và phát huy sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn xã hội như vậy mới phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến ngày thắng lợi.

***2.3. Phát triển văn hóa - giáo dục nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh.***

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất đồng thời cũng là nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Những cống hiến lớn lao của Người trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo bao thế hệ con người Việt Nam đã là một bộ phận quan trọng làm nên sự nghiệp văn hóa kiệt xuất của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam với ý nghĩa là người vạch đường, chỉ lối, người tổ chức, lãnh đạo, cỗ vũ nhân dân ta làm nên thắng lợi, mà còn là người thầy với ý nghĩa đã trực tiếp giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng nên bao thế hệ cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Từ thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở Trường Dục Thanh, đồng chí Vương ở các lớp huấn luyện chính trị Quảng Châu, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh trên biên giới Việt - Trung, đến các lớp học tập, nghiên cứu lý luận cho cán bộ trung, cao cấp của Đảng, cho các nhân sĩ trí thức, vv. về sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn hiện thân là một người thầy mẫu mực cần mẫn, vun xới, chăm sóc cho sự nghiệp “trồng người” của dân tộc. Kết quả là đã hình thành nên bao thế hệ cán bộ cách mạng tận tụy, trung thành, sáng suốt, họ đã cùng với Người đưa dân tộc ta từ một dân tộc nô lệ, bị áp bức, bóc lột tiến lên làm chủ đất nước, từng bước nâng cao văn hóa, đạo đức, lối sống,... để sánh vai với bè bạn các nước năm châu. Trên ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh là một nhà giáo dục vĩ đại đã khai sáng cho cả một dân tộc.

Sau khi nước nhà giành lại nền độc lập, trên cương vị Chủ tịch nước, Người đã không ngừng quan tâm đến sự nghiệp giáo dục ở mọi cấp. Người thường xuyên gửi thư, dành thời giờ đến thăm nhiều trường học, từ Thủ đô đến miền núi, hỏi han, động viên và căn dặn nhiều điều quý báu. Những bức thư, những bài nói của Người với thầy giáo và học sinh các trường đã trở thành tâm niệm của bao thế hệ thầy trò trước đây, và ngày nay vẫn giữ nguyên tính khoa học, tính hiện đại đối với sự nghiệp cải cách, đổi mới và phát triển của nền giáo dục nước ta ở thời đại kinh tế tri thức, xã hội thông tin và giao lưu, hội nhập với thế giới.

Những tư tưởng lớn của Người về giáo dục - đào tạo, những vấn đề có ý nghĩa thời sự ở thời điểm hiện nay:

*Thứ nhất,* *“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”*

Nói một cách khác, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục - đào tạo - sự nghiệp “trồng người” là một chiến lược cơ bản, lâu dài của cách mạng, một quốc sách hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng này hình thành ở Hồ Chí Minh từ rất sớm, từ những năm 20 của thế kỷ trước. Vì vậy, ngay sau khi vừa giành được độc lập, trong 6 nhiệm vụ cấp bách Người đề ra cho Hội đồng Chính phủ lâm thời, có hai nhiệm vụ về giáo dục: một là cần “mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ”; hai là cần “mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân ta bằng cách thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính. Người không nói những điều to tát, nhưng nói thấm thía: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”[[19]](#footnote-19). “Non sông Việt Nam có thể trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”[[20]](#footnote-20). Từ đó, Người chỉ rõ “một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc lúc này là nâng cao dân trí”[[21]](#footnote-21), bởi không một quốc gia nào có thể tiến hành xây dựng một chế độ xã hội mới và bảo vệ Tổ quốc thành công trong điều kiện văn hóa, dân trí, đạo đức, tinh thần xã hội lại thấp kém.

Ngày nay, nhân loại đang bước vào một nền văn minh mới - văn minh trí tuệ, một nền kinh tế mới - kinh tế tri thức, một trình độ xã hội mới - xã hội thông tin. Thế giới đang trong cuộc chạy đua về tốc độ: tốc độ nghiên cứu - triển khai, tốc độ đưa ra ứng dụng, tốc độ quay vòng vốn, tốc độ đẩy nhanh các số liệu, thông tin, tri thức,... trong hệ thống kinh tế - xã hội. Kẻ nào nhanh, người ấy thắng, đó là quy luật. Vì vậy, người ta nói: muốn biết tương lai một dân tộc ra sao hãy nhìn vào hiện tại xem dân tộc đó đang làm giáo dục như thế nào. Trong nền kinh tế tri thức, ưu thế không thuộc về các nhân tố truyền thống như tài nguyên, đất đai, nhân công rẻ,... mà nhân tố có ý nghĩa quyết định là trí tuệ con người, là chất xám của các nhà chuyên môn có trình độ cao. Tài nguyên thiên nhiên của ta không dồi dào. Việt Nam sẽ chủ yếu phải đi lên bằng tài nguyên con người, do đó chiến lược giáo dục, chiến lược “trồng người” theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải là vấn đề then chốt nhất của chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Thực hiện có hiệu quả chủ trương *giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu,*

*Thứ hai,* *Xây dựng một nền giáo dục theo hướng dân tộc, hiện đại, nhân văn, lấy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm nền tảng*: Sau Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nền giáo dục mới, Hồ Chí Minh chủ trương phải xây dựng một nền giáo dục hướng vào các giá trị dân tộc, hiện đại, nhân văn, một nền giáo dục phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong Thư gửi học sinh (9/1945), Người nói đến “một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”[[22]](#footnote-22). Người từng nhấn mạnh: “Cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ”[[23]](#footnote-23).

Nói chuyện với học sinh các Trường trung học Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Trưng Vương ở Hà Nội, Người nói: “Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân phong kiến khác hẳn nhau. Bây giờ phải học để: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu đạo đức... Học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu nước mạnh”[[24]](#footnote-24)

- Để đạt mục tiêu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nền giáo dục toàn diện: “Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, lao động và sản xuất”[[25]](#footnote-25). Trong nội dung giáo dục toàn diện đó, Người thường nhấn mạnh trước hết đến lý tưởng xã hội chủ nghĩa và đạo đức cách mạng, tuy nhiên không vì vậy mà coi nhẹ việc học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật. Người thường nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có học thức”, “chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phục vô tận”[[26]](#footnote-26), Một nền giáo dục toàn diện, theo Người, phải coi trọng việc rèn luyện thân thể cho học sinh. Người sớm cho lập Nha thể dục, phát động phong trào rèn luyện thân thể, kêu gọi toàn dân tập thể dục, “giữ gìn, bồi đắp sức khỏe”, vì “việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”.

Người yêu cầu xây dựng một nền giáo dục hướng về các giá trị dân tộc, hiện đại, nhân văn lấy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm nền tảng phải được quán triệt sâu sắc vào quá trình đổi mới nền giáo dục của ta ở bối cảnh mở cửa, hội nhập về kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc hiện nay. Con đường phát triển của nước ta ở thời đại kinh tế tri thức, toàn cầu hóa,... chủ yếu phải là con đường phát triển con người thông qua giáo dục - đào tạo. Chỉ có đi theo con đường đó, các nước đang phát triển mới có cơ may đi tắt, đón đầu, phát huy thế mạnh của con người Việt Nam (yêu nước, ham học, thông minh, sáng tạo) để đuổi kịp và vượt các nước trong khu vực.

Nhiệm vụ của giáo dục - đào tạo, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải làm sao tiếp tục phát huy được những giá trị trong truyền thống dân tộc, biến nó thành sức mạnh đẩy lùi cái xấu, cái yếu kém. Cụ thể là: Khơi dậy truyền thống yêu nước, ý chí quật cường, tự hào, tự tôn dân tộc, làm cho mọi người đều có “ham muốn tột bậc” của Bác Hồ sau khi thoát khỏi thân phận nô lệ, có ý chí mạnh mẽ đưa đất nước vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Phải làm cho mọi người cảm thấy xấu hổ với cái nghèo, vì nghèo là kém cỏi, nghèo đi liền với hèn, với khó; Phát triển tinh thần tương thân, tương ái, gắn kết cộng đồng, dù sống ở trong nước, hay làm ăn ở nước ngoài, làm sao để trong kinh tế thị trường có cạnh tranh với nhau nhưng vẫn hợp tác được với nhau, biết hợp đồng vì lợi ích của đất nước, nhất là để giữ thế làm ăn của người Việt Nam với đối tác nước ngoài, để không hạ gục nhau, không thực hiện “chiến tranh” qua tay người khác. Trong rủi ro, cần biết chia sẻ trách nhiệm, gánh vác việc khó về mình, như một thời đã chia lửa với nhau trong chiến tranh.

*Thứ ba,* *Giáo dục - đào tạo phải hình thành được cho học sinh nhu cầu và khả năng tự học để học suốt đời:* Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mở ra khả năng và điều kiện cho mỗi con người được tận lực phát triển những năng lực sẵn có của mình. Sự phát triển đó một mặt được thực hiện thông qua hệ thống giáo dục nhà trường, mặt khác, chủ yếu và quyết định hơn, được thực hiện bằng cách tự học trong suốt cuộc đời của mỗi con người, thông qua hệ thống giáo dục ngoài nhà trường. Ở Việt Nam, tấm gương sáng chói nhất về tự học thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ra nước ngoài khi chỉ vừa học xong bậc tiểu học, nhưng nhờ tự học, Người đã làm giàu vốn tri thức của mình bằng những vốn tri thức tiên tiến nhất của thời đại để vươn lên trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

Trước lúc đi xa, trong *Di chúc,* Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, cũng là khát vọng tột bậc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”[[27]](#footnote-27). Những tư tưởng, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một Việt Nam giàu mạnh tiếp tục được toàn Đảng, toàn dân tộc từng bước hiện thực hóa trong công cuộc xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới phát triển đất nước trong hơn 35 năm qua và trên những chặng đường tiếp theo. Kết quả, thành tựu đem lại “*rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật”,* như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng đỉnh: *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.*

***2.4. Tất cả lợi ích đều vì mục tiêu đem lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân.***

Hạt nhân trung tâm của hệ thống tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là nâng cao đời sống của nhân dân và Người gắn nó với hàng loạt quan hệ và hoạt động kinh tế rất cơ bản. Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh: mục đích, nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ là nhằm cải thiện đời sống của nhân dân “Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là *nhằm cải thiện đời sống của nhân dân”[[28]](#footnote-28).* Toàn bộ quan tâm của Người về kinh tế lo làm sao cho dân đủ cái ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh, giải trí…., tức là lo sao mỗi người dân lao động đều được ấm no, hạnh phúc. Đó là mục tiêu, đồng thời cũng là thước đo tính đúng đắn, ý nghĩa, giá trị của mỗi chính sách, biện pháp kinh tế của chúng ta. Người nói: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”[[29]](#footnote-29)

Mục đích nâng cao đời sống của nhân dân chi phối các quan hệ làm chủ, độc lập, tự do. Theo Hồ Chí Minh “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.”[[30]](#footnote-30). Mục đích này là tâm điểm để xây dựng đường lối, kế hoạch và cách thức tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế.

Nét độc đáo, đặc sắc của tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là quy tụ chủ nghĩa xã hội vào mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân. Cách tiếp cận của Người: chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống của nhân dân có ý nghĩa sâu sắc đối với chúng ta. Ở đây, chủ nghĩa xã hội hàm chứa trong đó một hệ thống giá trị phản ánh khát vọng sống của con người mong muốn có một cuộc đời ấm no, tự do, hạnh phúc. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân trở thành hạt nhân chi phối mọi hoạt động kinh tế, mọi lý giải kinh tế.

Để đạt mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân, một loạt biện pháp đã được Hồ Chí Minh đề cập tới. Các biện pháp đó rất phong phú. Có biện pháp trực tiếp, có biện pháp gián tiếp, có biện pháp chung, có biện pháp cụ thể, có các biện pháp thuộc các lĩnh vực kinh tế khác nhau, có biện pháp hiện đại, có biện pháp truyền thống. Tính phong phú cho thấy sự tìm tòi, tận dụng mọi cơ hội, điều kiện để hướng tới mục tiêu. Mặt khác cũng là cố gắng của Hồ Chí Minh làm cho mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân không phải cái gì chung, cao xa, trái lại gần gũi với đời thực, từ đó hướng tới việc hiện thực hóa mục tiêu. Ở đây, Hồ Chí Minh chỉ rõ hai loại hệ thống giải pháp chủ đạo.

*Một là,* để nâng cao đời sống phải ra sức tăng gia sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, giữ gìn máy móc, bảo vệ xí nghiệp, thi hành đúng kỷ luật, đẩy mạnh tập thể hóa, đồng thời phải phân phối công bằng hợp lý. Nâng cao đời sống là một quá trình dần dần từng bước, từ thấp đến cao.

*Hai là,* việc cải thiện đời sống cho nhân dân phải do nhân dân tự giúp lấy mình là chính. Đảng và Chính phủ, cán bộ và đảng viên có trách nhiệm giáo dục, lãnh đạo, giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ổn định, cải thiện đời sống. Tư tưởng lấy mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân làm hạt nhân trung tâm có ý nghĩa hết sức quan trọng, ngăn ngừa được xu hướng lấy phương tiện làm mục đích trong hoạt động kinh tế. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để giải quyết hàng loạt các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường: quan hệ sản xuất, phân phối, tích lũy và tiêu dùng; quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài; quan hệ giữa trình độ phát triển kinh tế quốc gia với thu nhập thực tế của người lao động, giữa các khu vực kinh tế, giữa các miền, các vùng khác nhau của đất nước…

Trong phiên bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: *Đại hội chỉ là mở đầu. Còn làm được hay không, mai kia có biến Nghị quyết thành hiện thực sinh động hay không, có ra của cải vật chất, mang lại giàu có và hạnh phúc cho nhân dân hay không, đấy mới là thành công thực tế của Đại hội*. Thông điệp này cũng chính là mục tiêu, giá trị cốt lõi mà Đảng cộng sản Việt Nam phấn đấu thực hiện trong suốt hơn 90 năm qua. Kể từ khi thành lập đến nay, Đảng cộng sản Việt Nam nhất quán nền tảng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không gì quý hơn nhân dân. Trong thế giới không gì quý bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”[[31]](#footnote-31). Thành công của cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thực tiễn 35 năm đổi mới chính là minh chứng cho thấy Đảng đã phát huy nguồn lực nhân dân trong bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước để mang lại hạnh phúc, no ấm cho nhân dân.

Xuất phát từ những mong muốn chưa đạt được về mang lại ấm no, hạnh phúc cao hơn nữa cho nhân dân thời gian qua, tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta khẳng định: “kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong Chiến lược 2011 - 2020 và việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được mục tiêu đề ra”. Hơn nữa, dự báo tình hình kinh tế - xã hội những năm tiếp theo, Đảng ta cho rằng: *Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra*. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thành công thực tế của Đại hội nếu toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta không có quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”[[32]](#footnote-32). Khát vọng độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, khát vọng về đất nước phồn vinh, giàu mạnh và tấm gương mẫu mực suốt đời phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là động lực, tư tưởng soi đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

***2.5. Phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trên cơ sở phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế, giá trị chung của nhân loại.***

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nhằm thực hiện khát vọng phát triển đất nước được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra trên cơ sở nhận thức khoa học, đúng đắn lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu, trải qua nhiều năm chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội “không thể làm mau được mà phải làm dần dần”, “làm sao cho dân giàu nước mạnh” .

Độc lập, tự chủ và sáng tạo trong tư duy, quan điểm, chủ trương và hành động để thực hiện khát vọng phát triển là phong cách nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo Người, xây dựng phát triển đất nước theo con đƣờng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”[[33]](#footnote-33).

“Chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”[[34]](#footnote-34).

Mục tiêu xã hội chúng ta xây dựng và phát triển phù hợp với xu thế của thời đại, mang giá trị chung của nhân loại, góp phần vào sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng con người trên toàn thế giới. Đó là một xã hội thực sự vì con người, phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư duy cởi mở, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của đất nước, có sự nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm thực tiễn các nước trên thế giới và xu hướng phát triển của thời đại. Sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc không thể đứng ngoài những tác động của thời cuộc. Tư duy xây dựng và phát triển của chúng ta là sẵn sàng hợp tác với các nước, gắn lợi ích của dân tộc với lợi ích chung của các dân tộc, các quốc gia trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau.

Đặt lợi ích của Tổ quốc, dân tộc lên trên hết nhưng không rơi vào chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Chúng ta tôn trọng, đề cao lợi ích của dân tộc, quốc gia mình nhưng cũng tôn trọng lợi ích của các quốc gia khác, sẵn sàng hợp tác, giúp các dân tộc trong tiến trình phát triển chung của nhân loại với phương châm: Việt Nam sẽ đóng góp thiết thực vào tiến trình cách mạng thế giới bằng thành tựu cách mạng dân tộc, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực và thế giới, vì sự phát triển, tiến bộ chung trên toàn thế giới.

***2.6. Quyết tâm chính trị cao đi liền với hành động, nói đi đôi với làm để biến khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trở thành hiện thực.***

Hồ Chí Minh coi trọng sự gương mẫu trong thực hành đạo đức, nói đi đôi với làm, nói được phải làm được. Đó là một nguyên tắc xây dựng nền đạo đức mới. Người viết: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”[[35]](#footnote-35). Người nhấn mạnh: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Hô hào nhân dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã”[[36]](#footnote-36). Người dạy “đảng viên đi trước”, để cho “làng nước theo sau”. Đạo làm gương, nói đi đôi với làm phải được quán triệt trong tất cả mọi đối tượng, mọi lĩnh vực: từ Đảng, Nhà nước, các đoàn thể đến nhà trường, gia đình, xã hội…

Người coi biểu hiện của những đảng viên, miệng thì nói rất thông chủ trương chính sách của Đảng, nhưng trên thực tế thì lại chẳng thực hiện hoặc thực hiện không đến nơi đến chốn là "trái với tổ chức và kỷ luật của Đảng… làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng"[[37]](#footnote-37). Bởi vậy để giữ nghiêm kỷ luật Đảng, nâng cao uy tín của Đảng phải "kiên quyết chống lại thói nghị quyết một đường thi hành một nẻo".

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ yêu cầu, căn dặn cán bộ, đảng viên phải thực hiện lời nói đi đôi với việc làm, mà chính người luôn là tấm gương sáng về điều này từ việc lớn đến việc nhỏ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và được sự dìu dắt, giáo dục trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày thành lập Đảng tới nay, đội ngũ những người Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì thực hành nguyên tắc lời nói đi đôi với việc làm. Hàng triệu chiến sĩ cách mạng, những người con ưu tú của dân tộc đã dũng cảm hy sinh xương máu, tính mạng của mình để biến lý tưởng, mục tiêu cao đẹp của Đảng thành hiện thực. Nhờ đó sự nghiệp cách mạng đất nước ta liên tục phát triển, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, uy tín của Đảng không ngừng được nâng cao. Đảng đã trở thành tấm gương, thành lương tri và niềm tin của cả dân tộc. Tuy nhiên từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường, hiện tượng nói nhiều làm ít, hoặc nói mà không làm, thậm chí nói một đằng làm một nẻo đang trở thành căn bệnh trầm trọng ở nhiều nơi, và ở một bộ phận người.

Tình trạng nói không đi đôi với làm, nghị quyết một đằng làm một nẻo giờ đây đã xâm nhập vào đời sống chính trị, từ đạo đức lối sống, nguyên tắc tổ chức cho tới nhận thức, tư tưởng chính trị, ít nhiều đã làm giảm sút nghiêm trọng niềm tin của nhân dân vào việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng.

 Để ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện yếu kém, Đảng ta đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ thị số 06 - CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 7/11/2006, Chỉ thị 03-CT/TW ngày 14/5/2011 về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các chỉ thị yêu cầu phải làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Như vậy có thể nói, ngoài việc tiếp tục nâng cao và tạo sự thống nhất về nhận thức của tất cả cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân về tầm quan trọng, ý nghĩa sâu sắc, thiết thực của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, việc thể chế hóa nguyên tắc: Nói đi đôi với làm, nói đúng và tự giác, gương mẫu làm theo tấm gương đạo đức của Bác đối với tất cả cán bộ, đảng viên, từ cấp cao đến cấp thấp, trong đó cấp càng cao càng phải gương mẫu, tự giác hơn bằng các Quy định của Đảng là vấn đề có ý nghĩa then chốt, quyết định thành công của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thông qua đó, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

**II- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, TẠO ĐỘNG LỰC KHƠI DẬY KHÁT VỌNG XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI:**

**1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cùng cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.**

Trà Vinh trong quá trình xây dựng và phát triển, các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa cùng chung sống lâu đời trên vùng đất Trà Vinh, đồng cam cộng khổ, vượt qua khó khăn, gian khổ, hy sinh để khai phá vùng đất hoang vu biến thành đồng bằng trù phú ngày nay; dũng cảm, kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống giặc ngoại xâm. Sự vận động của lịch sử của Trà Vinh chịu sự chi phối bởi bối cảnh lịch sử chung của dinh Long Hồ, của xứ Đàng Trong, của đất nước và của cả khu vực. Ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp đặt chân xâm lược vùng đất đồng bằng sông Cửu Long, các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa đánh giặc ngoại xâm bằng nhiều phương thức, gây tổn thất cho thực dân Pháp và bọn tay sai như: Khởi nghĩa Vĩnh Trị, Bình Khánh do Đốc binh Lê Cẩn, Phó Mai, Nguyễn Giao gầy dựng và khởi xướng (1871), Khởi nghĩa ở Bàn Đa của Trần Văn Đề (1872), các cuộc khởi nghĩa của Lý Rót, Đề Triệu, của Nguyễn Xuân Phụng và Đoàn Công Bửu (1874), Lê Tấn Kế, Trần Bình (1875)… Khi các cuộc khởi binh theo ý thức hệ phong kiến thất bại, phong trào yêu nước lại chuyển sang hình thức dân chủ tư sản như các phong trào của Thiên Đại hội, Duy Tân, Đông Du… Nhưng trong xu thế chung của thời cuộc, do chưa có đường lối, phương pháp đúng đắn, các cuộc khởi nghĩa, phong trào yêu nước lần lượt bị thực dân Pháp đàn áp và dập tắt. Mặc dù, thất bại, nhưng đồng bào các dân tộc ở Trà Vinh không khuất phục kẻ thù, tiếp tục cùng với Nhân dân cả nước cương quyết đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược để giành lại độc lập cho dân tộc.

Sau khi tổ chức Công hội Đỏ ở Ba Son (Sài Gòn) được thành lập năm 1920, đồng chí Dương Quang Đông, hội viên của Công hội Đỏ về tỉnh Trà Vinh, xúc tiến thành lập tổ chức "Thanh Niên Đỏ" đầu tiên tại quận Cầu Ngang. Sau đó, tổ chức "Thanh Niên Đỏ" được thành lập ở tỉnh lị Trà Vinh, quận Càng Long. Tổ chức Thanh Niên Đỏ ở Trà Vinh tuy chưa phát triển rộng khắp, hội viên không nhiều và chưa đủ sức để dấy lên thành một phong trào cách mạng rộng lớn, nhưng đủ để khẳng định những tín hiệu về sự bắt rễ của tư tưởng cách mạng vô sản trên đất Trà Vinh. Năm 1927, tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trà Vinh thành lập ở Càng Long, Cầu Ngang, tỉnh lỵ Trà Vinh. Phần lớn các hội viên Thanh niên đỏ trở thành hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đầu tiên. Các hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên nỗ lực hoạt động sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân lao động, truyền bá tư tưởng cách mạng, gầy dựng cơ sở, phát triển hội viên, chuẩn bị cho một chương trình cách mạng mới.

Hoạt động của Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Trà Vinh ngay từ buổi đầu đã có liên hệ mật thiết và được sự chỉ đạo thường xuyên của Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Nam Kỳ. Tháng 7 năm 1929, Ban chấp hành Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Nam Kỳ tuyên bố giải thể để chuyển đổi thành An Nam Cộng sản đảng. Từ đó, từng chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở các địa phương thuộc Nam Kỳ lần lượt bước vào quá trình chuyển đổi thành các chi bộ An Nam Cộng sản Đảng. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức cộng sản trên cả nước. Ở ba miền đất nước (Bắc, Trung, Nam) đều có Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam gọi là Xứ ủy. Xứ ủy Nam Kỳ được thành lập vào cuối tháng 02 năm 1930. Ngay sau khi thành lập, Xứ ủy Nam Kỳ đã phân công người về các tỉnh, theo dõi phong trào, xây dựng và chấn chỉnh các tổ chức cơ sở Đảng. Trong mùa xuân năm 1930, có ba chi bộ được thành lập tại Trà Vinh là chi bộ An Trường, chi bộ tỉnh lị Trà Vinh và chi bộ Mỹ Long. Ngay sau khi thành lập, những đảng viên trong ba chi bộ cộng sản đầu tiên ở Trà Vinh đã triển khai nhiều hoạt động cách mạng nhằm tuyên truyền vận động quần chúng; rà soát và móc nối lại các tổ chức cộng sản và cơ sở cách mạng trên địa bàn nông thôn các quận Cầu Ngang, Càng Long, Châu Thành cùng các cơ sở sản xuất ở tỉnh lị. Thông qua các hoạt động nói trên, các chi bộ cộng sản đã phát hiện, bồi dưỡng và kết nạp thêm đảng viên, tổ chức chi bộ cộng sản mới v.v...

Sự ra đời các chi bộ cộng sản ở Trà Vinh vào đầu năm 1930 là một mốc lịch sử đặc biệt quan trọng. Nó đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào đấu tranh chống đế quốc - phong kiến của đồng bào các dân tộc Trà Vinh.

Mùa Thu năm 1930, Tỉnh ủy Trà Vinh được thành lập tại nhà số 09, đường Công Xi rượu nếp (nay là đường Lê Lợi), do đồng chí Huỳnh Ngọc Trảng làm Bí thư Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Trà Vinh.

Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, trực tiếp là Tỉnh ủy Trà Vinh, các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa nêu cao chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn, hy sinh, gian khổ cùng với Nhân dân cả nước, tiến hành Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Trà Vinh giành thắng lợi, lập nên chính quyền cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân Trà Vinh làm nên những chiến công oanh liệt, với những trận đánh tiêu biểu như trận Ô Đùng (25/4/1947), trận La Bang (16/12/1948), chiến dịch Cầu Kè (ngày 07/12/1949 - 16/01/1950), chiến dịch Trà Vinh (từ 25/3 - 08/5/1950), góp phần xứng đáng vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành thắng lợi. Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh được Bác Hồ khen ngợi *“Chính phủ Dân chủ Cộng hòa rất khen ngợi chiến sĩ ở mặt trận miền Nam, đặc biệt là các chiến sĩ ở Nha Trang và Trà Vinh đã làm gương anh dũng cho toàn quốc. Tổ quốc biết ơn các bạn, toàn thể đồng bào noi gương các bạn”*.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng bộ chính quyền, nhân dân Trà Vinh vượt qua được khó khăn, cam go nhất trong 6 năm chính trị (1954 - 1960), làm nên cuộc Đồng Khởi 14/9/1960. Đánh bại cuộc chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965), chiến tranh cục bộ (1965 - 1968), Việt Nam hóa chiến tranh (1969 - 1972); Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa mùa Xuân năm 1975, Trà Vinh đã giải phóng cùng lúc với giải phóng Sài Gòn (vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975), làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975 vang dội, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đảng bộ, quân, dân Trà Vinh được Bộ Chỉ huy Miền khen tặng danh hiệu *“Dẫn đầu phong trào nhân dân du kích chiến tranh toàn miền”* (1965); Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên dương tám chữ vàng *“Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công”* và tặng Huân chương Thành Đồng Tổ quốc hạng Nhất (1968). Tỉnh Trà Vinh được Nhà nước phong tặng danh hiệu *“Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”*.

**2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1976 - 1992)**

Sau 30/4/1975, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh vừa bắt tay xây dựng quê hương đất nước, vừa góp phần đánh bại cuộc chiến tranh biên giới, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta. Năm 1976, tỉnh Trà Vinh sáp nhập với tỉnh Vĩnh Long thành tỉnh Cửu Long. Trong 15 năm (1976 - 1992) tỉnh Cửu Long trải qua 4 kỳ Đại hội Đảng, Đảng bộ không ngừng lớn mạnh, từng bước trưởng thành trong lãnh, chỉ đạo cách mạng trong giai đoạn mới.

Giai đoạn 1975 - 1986, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân tỉnh Cửu Long khắc phục khó khăn, vừa bảo vệ chính quyền, ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo xã hội đạt nhiều thành tựu quan trọng. Tập trung tổ chức lại sản xuất, đưa đại bộ phận Nhân dân vào làm ăn tập thể. Từ xuất phát điểm nông nghiệp chỉ độc canh cây lúa, tỉnh có nhiều chủ trương đưa nông nghiệp phát triển toàn diện, xem thủy lợi là khâu đột phá, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, khai thác, nuôi trồng thủy sản. Công nghiệp được củng cố và phát triển nhanh, vừa thúc đẩy nông nghiệp phát triển, vừa tạo tiền đề cho tỉnh đi vào công nghiệp hóa. Kết quả tạo được sự chuyển biến đáng kể, sản xuất nông nghiệp ổn định, tăng năng xuất, sản lượng, phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Song song với phát triển kinh tế, tỉnh tập trung đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, lý tưởng xã hội chủ nghĩa thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân. Trong giai đoạn này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa tăng cường bảo vệ Tổ quốc, đập tan âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tích cực tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc; cử lực lượng tham gia giúp nước bạn Campuchia.

Trong giai đoạn 1986 - 1992, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống. Góp phần nâng cao đời sống Nhân dân. Phát động các phong trào cách mạng rộng khắp trên các lĩnh vực. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, đảm bảo quyền tự chủ sản xuất kinh doanh. Qua đó công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thích nghi với cơ chế thị trường. Toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, cơ cấu kinh tế, phân công lao động, ngành nghề, sản phẩm làm ra từng bước phù hợp với nền kinh tế hàng hóa.

**3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng tạo tiền đề để Trà Vinh phát triển bền vững trong giai đoạn mới (1992 – 2020).**

Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, Trà Vinh khi mới tái lập là một trong những tỉnh nghèo nhất ở đồng bằng sông Cửu Long, xuất phát điểm về kinh tế - xã hội rất thấp, kinh tế thuần nông; sản xuất công nghiệp manh mún, nhỏ lẻ; thương mại và dịch vụ kém phát triển; điểm xuất phát về kinh tế - xã hội thấp và lạc hậu; kết cấu hạ tầng cả thành thị và nông thôn yếu kém; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp; điều kiện ăn, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa ở vùng nông thôn, vùng có đông đồng bào Khmer còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; tỷ lệ hộ nghèo cao.

Trước những khó khăn, thách thức, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh triển khai, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đã đề ra chủ trương đúng đắn, toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, tạo được sự thống nhất cao trong nội bộ và đồng thuận trong Nhân dân, phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống đại đoàn kết dân tộc, vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, khai thác hiệu quả tiềm năng về đất đai, tài nguyên và nguồn lực của tỉnh, tranh thủ sự chỉ đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, giúp đỡ các bộ, ban ngành Trung ương, các tỉnh, thành bạn, từng bước đưa Trà Vinh phát triển cùng với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước.

***3.1. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh:***

Trong những ngày đầu tái lập tỉnh, công việc đầu tiên tỉnh quan tâm là chỉ đạo củng cố và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh về mọi mặt. Theo đó, từ chưa đến 10.000 đảng viên vào năm 1992, đến nay đảng bộ có 46.214 đảng viên. Năm 1992 có 349 tổ chức cơ sở đảng, đến nay tăng lên 502 tổ chức cơ sở Đảng. Những ấp - khóm có đồng bào Khmer đều có đảng viên là người Khmer; 100% ấp, khóm đều có đảng viên nữ. Công tác bồi dưỡng tạo nguồn kết nạp đảng viên hằng năm đều đạt và vượt so Nghị quyết đề ra, đội ngũ cán bộ, công chức trưởng thành và lớn mạnh. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên không ngừng được nâng lên, số lượng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh hàng năm đều tăng.

Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm cấp phó, cơ cấu lại theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Đội ngũ cán bộ, công chức được bổ sung, đào tạo và đào tạo lại được nâng lên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ đó cũng được nâng cao. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước không ngừng được nâng chất. Năm 1992, chỉ có gần 1.800 cán bộ, công chức có trình độ đại học, cao đẳng trở lên. Đến năm 2021, có 18.600 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học, cao đẳng trở lên; trong đó, có 73 tiến sĩ, 1.459 thạc sĩ; đưa đi đào tạo, bồi dưỡng 141.038 lượt cán bộ, có 88 cán bộ được đưa đi đào tạo ở nước ngoài.

***3.2. Kinh tế tăng trưởng ổn định****.*

Với nhiều chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh, các ngành, các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, quyết liệt, quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng. Giá trị tổng sản phẩm nội địa tăng trưởng bình quân 11,5%. Cơ cấu kinh tế không ngừng chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị nông - lâm nghiệp - thủy sản từ 69,19% năm 1992 giảm còn 30,93% năm 2021; công nghiệp - xây dựng từ 8,68% năm 1992 tăng lên 34,93%, dịch vụ từ 22,13% tăng lên 34,14% vào năm 2021. Thu nhập bình quân đầu người từ khoảng 730 ngàn đồng năm 1992 đến cuối năm 2021 đạt 63,15 triệu đồng, gấp hơn 86 lần so năm 1992.

Trong những thành tựu chung đó có những đóng góp quan trọng của lĩnh vực nông nghiệp.Khi tách tỉnh, sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế, có 4.000 ha đất bỏ hoang, 6.000 ha đất sản xuất có khả năng mất trắng, có khoảng 18% hộ thiếu ăn thường xuyên …Đến nay,kinh tế nông nghiệp tăng trưởng mạnh, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước hình thành và phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến. Năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông - thủy sản tăng trưởng vượt bậc. Giá trị sản phẩm thu được trên diện tích đất trồng trọt từ 4,5 triệu đồng/ha năm 1992 tăng lên 140 triệu đồng/ha năm 2021 và trên diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 27 triệu đồng/ha năm 1992 tăng lên 325 triệu đồng/ha năm 2021. Từ năm 2010, tỉnh Trà Vinh tập trung huy động các nguồn lực xã hội và vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Qua 12 năm xây dựng, đến nay toàn tỉnh có 82/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 27 xã đạt nông thôn mới nâng cao; 06/09 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có sự phát triển vượt bậc, trở thành một trong những ngành kinh tế giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nếu năm 1992, ngành công nghiệp của tỉnh chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghệ lạc hậu, thị trường nhỏ hẹp…, tổng giá trị sản xuất chỉ đạt 270 tỷ đồng, thì đến cuối năm 2021 tổng giá trị sản xuất đạt trên 32.015 tỷ đồng, gấp hơn 118 lần so với năm 1992.Toàn tỉnh phát triển 01 khu kinh tế; 03 khu công nghiệp, 04 cụm công nghiệp; phát triển 13 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thu hút 385 dự án đầu tư, trong đó: có 42 dự án FDI, vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 343 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký hơn 122.200 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 56.000 lao động. Tận dụng lợi thế có bờ biển dài 65km, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh quốc phòng; tranh thủ sự quan tâm quy hoạch, đầu tư của Trung ương, đồng thời tỉnh cũng ban hành nhiều chủ trương, chính sách đầu tư vào vùng ven biển, đưa kinh tế biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, trong đó Khu kinh tế Định An là 01 trong 08 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước. Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu, bến cảng tổng hợp Định An là tiền đề thúc đẩy phát triển cảng nước sâu và trở thành trung tâm giao thương của Đồng bằng sông Cửu Long. Trung tâm Điện lực Duyên Hải với công suất 4.490 MW và các công trình điện gió, điện mặt trời, … là nền tảng tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển kinh tế biển. Hướng đến mục tiêu trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tỉnh chỉ đạo tập trung huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để phá thế độc đạo.Những năm đầu tái lập tỉnh, kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh còn còn gặp nhiều khó khăn, thủy lợi, giao thông chưa đồng bộ, các trục lộ chính từ tỉnh đi các huyện thường bị gián đoạn, đi lại rất khó khăn, nhất là vào mùa mưa. Qua 30 năm xây dựng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng được đa dạng hóa. Từ đó, hệ thống giao thông đường bộ phát triển nhanh, từ chỗ toàn tỉnh chỉ có 02 tuyến Quốc lộ 53 và 60 với chiều dài 37km; có 04 tỉnh lộ với tổng chiều dài 126km, trong đó chỉ có 21km đường nhựa, Trà Vinh gần như nằm trong thế độc đạo. Đến nay, toàn tỉnh có 04 tuyến Quốc lộ với tổng chiều dài trên 271km, 05 Tỉnh lộ với tổng chiều dài trên 225km, 42 Hương lộ với tổng chiều dài trên 481km, 100% các tuyến Tỉnh lộ, Hương lộ đều đã được nhựa hóa; các tuyến đường trục xã, liên xã được nhựa hóa trên 97%; đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa trên 66%; hệ thống đường giao thông nông thôn có bước phát triển đột phá, toàn tỉnh có trên 5.545km đường giao thông nông thôn, đường trục chính nội đồng được cứng hóa trên 59%, trên 96% tổng số xã đạt tiêu chí về giao thông nông thôn. Đầu tư nhiều công trình mới như: Cầu Cổ Chiên, Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, cầu Long Toàn, cầu Láng Chim, cầu Long Bình 2, Cầu Long Bình 3, Đường tránh Quốc lộ 60, Đường tỉnh 915, 915B … góp phần kết nối hệ thống giao thông thuận tiện rút ngắn khoảng cách với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Các công trình đã đầu tư phát huy tác dụng tốt, tạo thêm năng lực sản xuất mới và gia tăng đáng kể kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

***3.3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ:***

*- Lĩnh vực giáo dục – đào tạo có nhiều khởi sắc:* thời điểm tách tỉnh (năm 1992) ngành giáo dục phải đối mặt với muôn vàn thách thức: Quy mô trường lớp nhỏ; tỷ lệ học sinh huy động đến trường còn ít, tỷ lệ học sinh cấp II, cấp III bỏ học tăng; đội ngũ giáo viên thiếu và không đồng bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu của việc dạy và học, phải học 3-4 ca. Đến nay, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục 99% đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm 88,16% và không còn phòng học tạm; cuối năm 2021 có 147/405 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 36,29%. Xã hội hóa giáo dục được phát triển mạnh trong những năm gần đây, toàn tỉnh có 14 trường tư thục. Từ hơn 20.000 người mù chữ trong độ tuổi từ 15-35 vào năm 1992, tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, đến cuối năm 1998, tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; đến 2008 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và năm 2015 được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Bên cạnh đó, sau 30 năm xây dựng và phát triển, lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xem là điểm sáng, là niềm đáng tự hào, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh nói riêng và cho khu vực nói chung. Trong đó, có việc thành lập và phát triển của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục Đại học, đặc biệt là Trường Đại học Trà Vinh hình thành, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và đạt được nhiều thành tựu, là nơi đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các đề tài nghiên cứu khoa học làm tăng sản phẩm mới, tăng năng suất chất lượng lao động, tăng thu nhập cho người dân của Trà Vinh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 33 ngành đào tạo trình độ sau đại học (25 ngành bậc thạc sĩ và 08 ngành bậc tiến sĩ), 59 ngành trình độ đại học, 33 ngành trình độ cao đẳng và nhiều chương trình đào tạo ngắn hạn khác. Hàng năm có hơn 20 ngàn sinh viên theo học.

*- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường:* Qua 30 năm tái lập tỉnh, mặc dù gặp không ít khó khăn do điều kiện kinh tế tỉnh nhà còn hạn hẹp, nhưng trong từng thời kỳ phát triển, ngành Y tế luôn vận động, tích cực thay đổi, tạo sự chuyển biến trong nâng cao tay nghề chuyên môn chất lượng phục vụ của đội ngũ y, bác sỹ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý và điều trị, thực hiện tốt nhiệm vụ cao cả của người thầy thuốc là nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc và bảo vệ an toàn sức khỏe cho Nhân dân, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Từ 91 cơ sở y tế công lập, với 960 giường bệnh, 10,61 giường bệnh/vạn dân, toàn tỉnh chỉ có 1.153 bác sĩ, 10 dược sĩ đại học, 50 dược sĩ trung học, 598 y sĩ, chỉ đạt 1,69 bác sĩ/vạn dân và 0,11 dược sĩ đại học/vạn dân ở năm 1992. Đến nay, đạt 25,46 giường bệnh/vạn dân; đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/vạn dân, đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, sau đại học ngày càng nhiều; 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế và có bác sĩ, 100% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, công tác y học dự phòng được thực hiện có hiệu quả, ý thức phòng bệnh của Nhân dân được nâng lên, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, nhất là dịch Covid-19. Công tác xã hội hóa lĩnh vực y tế phát triển mạnh, hình thành nhiều phòng khám, bệnh viện ngoài công lập chất lượng cao. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 16,03% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3% lực lượng lao động xã hội. Chính sách dân số, gia đình và trẻ em được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt trên nhiều mặt; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm từ 46% năm 1992 xuống còn 5,3% năm 2021; tỷ lệ trẻ được tiêm chủng mở rộng hàng năm đạt từ 98% trở lên.

*- Chương trình giảm nghèo bền vững đạt nhiều kết quả quan trọng:* Khi tái lập tỉnh, với gần 20% hộ đói, 40% hộ nghèo, nhưng với sự quyết tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung đầu tư triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch giảm nghèo; nhiều mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế được triển khai và nhân rộng; người nghèo được tiếp cận đầy đủ các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng để phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng, giúp người nghèo cải thiện điều kiện sống; một số chính sách đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả, được người dân đồng tình ủng hộ, tác động tích cực đến công tác giảm nghèo của tỉnh. Hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống ở các xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư; các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin được triển khai thực hiện hiệu quả. Từ đó, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh và ngày càng bền vững, đến cuối năm 2021, theo tiêu chuẩn nghèo cũ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,56%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer giảm còn 0,89%. Công tác thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt.

***3.4. Công tác dân tộc, tôn giáo có nhiều chuyển biến tích cực:***

Trà Vinh là tỉnh có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, trên 31% đồng bào dân tộc Khmer, đa số đồng bào Khmer sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, đại bộ phận người dân thuộc thành phần lao động nghèo, ít có điều kiện thưởng thức văn hóa nghệ thuật, nhiều thủ tục lạc hậu còn tồn tại. Lợi dụng tình hình trên các thế lực thù địch không ngừng sử dụng nhiều phương thức để chống phá, gây chia rẽ nội bộ, chia rẽ dân tộc. Trước tình hình đó, ngay sau khi tái lập tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác trong vùng đồng bào Khmer và liên tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp, cùng với việc thực hiện tốt các chương trình, dự án của Trung ương. Từ đó, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả, đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực mọi mặt về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc. Tỉnh hỗ trợ xây dựng hàng trăm ngàn căn nhà cho hộ Khmer nghèo; hàng ngàn hộ được hỗ trợ vốn, đất sản xuất, đất ở và nhiều chính sách hỗ trợ khác. Đồng bào người Hoa, người Chăm, người Ấn… được tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh và phát huy bản sắc văn hóa. Tín ngưỡng tôn giáo được tôn trọng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo, đoàn kết giữa Đảng, chính quyền và nhân dân luôn được củng cố và phát triển. Điều đó đã được ghi nhận trong dịp Kỷ niệm 30 tái lập tỉnh này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất cho thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trà Vinh có lịch sử hình thành từ rất sớm, do đó giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc của tỉnh rất phong phú và đa dạng. Để góp phần xây dựng nền văn hóa tỉnh nhà thống nhất, đa dạng, tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc, xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Quan tâm xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; khai thác các giá trị văn hóa đặc trưng riêng có để phát triển du lịch theo hướng du lịch xanh và bền vững.

***3.5. Công tác đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:***

Tăng cường kết nối, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh. Chấp hành nghiêm các quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, quản lý đoàn ra, đoàn vào. Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Trà Vinh đang định cư ở nước ngoài hướng về quê hương, đất nước. Đến nay, có 25 tổ chức phi chính phủ nước ngoài đăng ký hoạt động tại tỉnh.

***3.6. Công tác an ninh - quốc phòng luôn được quan tâm và giữ vững ổn định.***

Trong 30 năm qua, các lực lượng vũ trang tỉnh nhà trong mọi hoàn cảnh đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn kết thống nhất cao, tuyệt đối trung thành, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu, sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong những ngày đầu mới tái lập, tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nhiều bất ổn cùng với những điều kiện khó khăn chung của tỉnh, thiếu thốn về mọi mặt, các lực lượng vũ trang của tỉnh một mặt phải ổn định tổ chức, mặt khác phải tập trung đấu tranh với những phần tử cơ hội chính trị, phản động, tội phạm chiếm đoạt tài sản, tội phạm cướp của, giết người... Nhưng cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang của tỉnh đã đoàn kết một lòng, khắc phục mọi khó khăn thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự ngay tại cơ sở, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho phát triển và cuộc sống bình yên của Nhân dân. Bên cạnh đó, các lực lượng vũ trang của tỉnh luôn tích cựctham gia cùng với địa phương xây dựng, củng cố cơ sở chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giúp dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới...

**III- TIẾP TỤC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, KHƠI DẬY KHÁT VỌNG XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG TRÀ VINH PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI:**

Trải qua chặng đường hơn 120 năm hình thành và phát triển (từ năm1900 đến nay), đặc biệt từ khi có Đảng lãnh đạo, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, hy sinh, góp phần cùng đất nước và dân tộc lập nên những thắng lợi vẻ vang, giành và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, vững bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành quả cách mạng của hơn 120 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển, nhất là những kết quả to lớn đạt được sau 30 tái lập tỉnh là tiền đề quan trọng cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phấn đấu trở thành một tỉnh ***đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030.***

**1. Những kinh nghiệm quý báu việc phát huy sức manh đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn cách mạng tại Trà Vinh thời gian qua:**

*- Những giá trị to lớn của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng tỉnh Trà Vinh ngày càng phát triển*

Lịch sử cho thấy, ngay sau khi thực dân Pháp xâm lược miền Nam, xâm lược tỉnh Trà Vinh, nhân dân các dân tộc Trà Vinh đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống xâm lược, chống ách thống trị, bóc lột của thực dân và tay sai với ý chí quật cường, không cam chịu làm nô lệ, tuy nhiên các cuộc đấu tranh đều thất bại. Từ khi Chi bộ Đảng của tỉnh Trà Vinh ra đời, đã soi đường, dẫn dắt nhân dân các dân tộc vùng lên tổng khởi nghĩa, cùng cả dân tộc làm nên thắng lợi vĩ đại Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tinh thần quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, thành quả cách mạng tiếp tục được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều thế hệ ông cha đã hy sinh anh dũng để đổi lấy nền độc lập tự do ấy, quyết không chịu làm nô lệ cho kẻ thù xâm lược.

Thành tựu gần 35 năm đổi mới của tỉnh Trà Vinh nói riêng và cả nước nói chung, nhất là 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh là minh chứng sinh động, khẳng định, chỉ có phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc đi theo con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn là con đường duy nhất đúng đắn để nhân dân các dân tộc vững bước trên con đường đổi mới đi tới phồn vinh, hạnh phúc, phát triển tiến bộ.

*- Đoàn kết xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh*

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng không thể có được nếu thiếu sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Đảng vững mạnh là yếu tố quyết định của lãnh đạo trong mọi tình huống của các thời kỳ cách mạng***.*** Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên theo hướng trong sạch - vững mạnh. Thực tiễn cho thấy, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng gắn liền với xây dựng, củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình đấu tranh xây dựng và phát triển. Trong bối cảnh tình hình mới, nhiệm vụ xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân đòi hỏi càng cần tăng cường lãnh đạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động sát hợp với nhu cầu, lợi ích của đoàn viên, hội viên, trên cơ sở đó tập hợp rộng rãi và nâng cao tính tự giác của đoàn viên, hội viên.

*- Sức mạnh đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường của toàn dân đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên thoát khỏi đói nghèo.*

Quá trình đấu tranh cách mạng và thực tiễn lịch sử đã vun đắp nên truyền thống đoàn kết các dân tộc. Chính nhờ sức mạnh đoàn kết, tự lực, tự cường, chủ động và sáng tạo, nhân dân các dân tộc tỉnh Trà Vinh đã viết nên những trang sử hào hùng, vượt qua những hy sinh, gian khổ trong các cuộc chiến tranh chống đế quốc xâm lược để cùng cả nước bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 35 năm đổi mới, 30 năm tái lập tỉnh, Nhân dân các dân tộc tỉnh Trà Vinh luôn phát huy tinh thần đoàn kết vượt qua những khó khăn, thử thách; không ngừng nêu cao ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong công tác xóa đói, giảm nghèo, và phát triển kinh tế - xã hội, từ đó đời sống vật chất và tinh thần của người dân trong tỉnh ngày càng được nâng lên.

*- Thực hiện tốt việc phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt công tác đối ngoại.*

Trà Vinh là địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy Trà Vinh luôn chú trọng công tác an ninh chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với giữ vững quốc phòng, an ninh. Mặc dù âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch diễn biến phức tạp ở mỗi giai đoạn lịch sử, nhưng nhờ thực hiện tốt yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, gắn kinh tế với quốc phòng và thực hiện tốt chính sách đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo, chính sách an sinh xã hội; tăng cường công tác đối ngoại Đảng, Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, Trà Vinh đã đấu tranh hiệu quả, làm thất bại chiến lược âm mưu "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, cấp ủy, chính quyền và nhân dân các cấp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 – 2025, từng bước hiện thực hóa khát vọng phát triển quê hương Trà Vinh trong giai đoạn mới:**

***2.1. Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.***

**-** Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị

- Đổi mới nội dung và phương pháp công tác tư tưởng, đổi mới phương pháp nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động nắm bắt và định hướng kịp thời dư luận xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Kết luận 01 của Bộ Chính trị. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương. Tăng cường đấu tranh và khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, *“Tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa”*. Coi trọng việc kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương. Cổ vũ, biểu dương kịp thời các điển hình về đạo đức, tạo ảnh hưởng lan tỏa trong toàn Đảng bộ và ngoài xã hội.

- Tiếp tục đổi mới hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở theo Đề án số 05-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp các tổ chức cơ sở Đảng đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy. Xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự tiền phong, gương mẫu, có trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó với nhân dân. Thực hiện đánh giá, công nhận chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đúng thực chất. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên gắn với việc rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, theo hướng tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là nữ, cán bộ trẻ tuổi, cán bộ người dân tộc; nâng cao hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp đánh giá cán bộ. Thực hiện nghiêm Quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

***-*** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.Chú trọng kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và cấp ủy viên các cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu. Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra.

- Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức hệ thống dân vận các cấp. Đẩy mạnh phong trào thi đua *“Dân vận khéo”* gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

***-*** Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

***-*** Thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác của các cấp ủy. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành phải đi sát cơ sở, sát nhân dân, kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị; đổi mới việc ban hành nghị quyết, chương trình hành động... của các cấp ủy.

***2.2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế***

Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo bước chuyển nền kinh tế của tỉnh sang mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng năng suất lao động, hàm lượng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp địa phương có thế mạnh, thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hoàn thành việc thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối; tiếp tục sắp xếp, nâng cao tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế tư nhân; thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh, thành trong cả nước.

***2.3. Phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long:***

Chủ động rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển. Huy động các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực... để tỉnh trở thành trung tâm chế biến thủy, hải sản. ***(1)*** Bổ sung quy hoạch các đô thị ven biển. ***(2)*** *Tổ chức các hoạt động nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản:* Theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản; hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức hợp tác. Đầu tư nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. ***(3)*** *Phát triển du lịch biển:* Tập trung đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tham quan điện gió các khu du lịch nghỉ dưỡng biển; đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm du lịch biển. ***(4)*** *Phát triển các ngành công nghiệp ven biển:* Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn. Phát triển các ngành công nghiệp sửa chữa và đóng tàu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.

Tranh thủ các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu Kinh tế Định An, thi công cầu Đại Ngãi, đầu tư các tuyến đường hành lang ven biển; hoàn thiện Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, đầu tư cảng nước sâu và các bến tàu thủy nội địa phù hợp với quy hoạch, bảo đảm kết nối giao thông với các tỉnh, thành trong khu vực và nước ngoài. Đầu tư dịch vụ vận tải biển, kho ngoại quan, logistics, khu phi thuế quan, khu dịch vụ công nghiệp, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa.Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời, điện khí hóa lỏng.

***2.4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững***

*- Phát triển nông nghiệp có giá trị gia tăng và quan tâm bảo vệ, chăm sóc, phát triển rừng:* Chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang làm kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Chuyển mạnh diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang nuôi, trồng các cây con khác có giá trị cao hơn; phát triển thêm vùng chuyên nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ. Nâng cấp, bảo trì và vận hành tốt hệ thống thủy lợi; đầu tư hệ thống đê bao phục vụ sản xuất nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tưới tiêu tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu. Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường; giám sát và kiểm soát chặt chẽ công tác phòng, chống dịch bệnh; tổ chức lại hệ thống giết mổ bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị các mặt hàng nông - thủy sản. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng; khuyến khích nhân dân trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán; tiếp tục giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất cho người dân; nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Tập trung đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật để tăng năng suất, góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn...

*- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:* Tăng đầu tư từ ngân sách kết hợp với huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, sự đóng góp của nhân dân để phát triển hạ tầng đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập của người dân theo hướng bền vững. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp, giàu bản sắc văn hóa; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tập trung sự chỉ đạo và ưu tiên bố trí nguồn lực để tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

*- Đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:*  Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có lợi thế so sánh, giải quyết được nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các nguyên liệu cung cấp cho khu công nghiệp. Tổ chức, sắp xếp lại ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống theo hướng chú trọng chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu; quan tâm nghiên cứu thị trường để phát triển ngành nghề mới phù hợp với lao động và nguồn nguyên liệu tại chỗ. Đẩy mạnh thực hiện Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

*- Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ:*  Tiếp tục thực hiện đầu tư từ ngân sách nhà nước, bảo đảm bố trí vốn tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm; chú trọng các cơ chế, giải pháp đẩy nhanh việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Nâng cao hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu, vai trò công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đa mục tiêu; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Hoàn thiện hạ tầng cấp nước *(nhà máy nước, trạm tăng áp, đường ống cấp nước)*; thực hiện tốt chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn. Đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, nhất là ở các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, đô thị. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, phát triển lưới điện; tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai các dự án điện đã có chủ trương đầu tư và ký cam kết đầu tư. Tập trung đầu tư các hạ tầng đô thị, văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin truyền thông, quốc phòng – an ninh theo hướng đồng bộ, hiện đại.

*- Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch:* Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các hình thức kinh doanh hiện đại; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trên nền tảng Internet và thiết bị di động; phát huy hiệu quả sàn giao dịch thương mại điện tử. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, bảo đảm ổn định và lành mạnh hóa thị trường. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ hiện đại và hội nhập quốc tế. Khai thác và phát huy tốt tiềm năng và lợi thế để định hướng đến năm 2030 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

*- Huy động và khai thác mạnh mẽ các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước để đầu tư phát triển:* Tăng cường các biện pháp để quản lý và bồi dưỡng nguồn thu; bố trí chi ngân sách ưu tiên cho những công trình trọng điểm, các nhiệm vụ quan trọng. Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối; huy động và cho vay vốn với mức lãi suất phù hợp gắn với an toàn tín dụng; đẩy mạnh phát triển phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

*- Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp, kinh tế hợp tác:* Tập trung phát triển các loại hình doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động; hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã và tổ hợp tác; bồi dưỡng năng lực, trình độ quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hợp tác xã, nhân rộng các mô hình hợp tác xã điểm để phát triển. Vận động nông dân góp sức, góp vốn bằng quyền sử dụng đất cùng với các nhà đầu tư có năng lực hình thành các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

*- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại:* Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch với các đối tác nước ngoài. Hỗ trợ các doanh nghiệp giới thiệu quảng cáo sản phẩm hàng hóa, xây dựng thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tìm hiểu nội dung các Hiệp định thương mại tự do, luật thương mại quốc tế, phát triển thị trường xuất khẩu.

***2.5. Đẩy mạnh phát triển văn hóa – xã hội và môi trường***

*- Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người:* Tăng cường giáo dục đạo đức, nhân cách, truyền thống cách mạng, kỹ năng sống và văn hóa ứng xử. Đẩy mạnh phân luồng, tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Tiếp tục sắp xếp lại các điểm trường gắn với đầu tư xây dựng trường, lớp. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Hợp tác liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh thành trường cao đẳng chất lượng cao, Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình các trường tiên tiến.

*- Phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững:* Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ. Xây dựng cơ chế thông thoáng, minh bạch, công bằng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo phát triển. Tăng cường hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thanh, kiểm tra công tác khoa học và công nghệ.

*- Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin và truyền thông:* Đẩy mạnh phong trào*“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* và cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Quan tâm đầu tư thiết chế văn hóa. Duy trì, phát triển các loại hình văn hóa, bảo tồn phát huy các di sản và giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trong tỉnh; khuyến khích các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật. Mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thể dục - thể thao quần chúng, công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể dục - thể thao trong trường học. Tăng cường công tác tuyển chọn, đào tạo tài năng để phát triển các môn thể thao thành tích cao. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao. Phát triển mạng bưu chính - viễn thông, nhất là các dịch vụ liên quan đến Chính phủ điện tử và thương mại điện tử; phổ cập, cung cấp dịch vụ viễn thông thế hệ mới và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao.

*- Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; gia đình và trẻ em:* Tập trung xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các cơ sở y tế; đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện theo hướng hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Phát triển hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng; kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại trong khám, chữa bệnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý y dược tư nhân. Triển khai có hiệu quả chương trình dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành về thực hiện công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.

*- Lao động, việc làm, thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội:* Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình việc làm. Thực hiện tốt các chính sách để người có công và thân nhân có mức sống từ trung bình khá trở lên so với địa bàn nơi cư trú; xã hội hóa công tác *“Đền ơn đáp nghĩa”*, chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách về giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tăng cường tuyên truyền, vận động mọi người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân.

*- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:* Quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất; tăng cường công tác quản lý, chuyển đổi sử dụng hợp lý và hiệu quả diện tích đất phục vụ cho yêu cầu phát triển. Tổ chức điều tra, đánh giá và quy hoạch phân bổ tài nguyên nước phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng bền vững và hiệu quả. Nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường, kiểm soát, quản lý chặt chẽ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, khu dân cư, làng nghề.... Xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường; thực hiện các giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa, xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải. Quy hoạch không gian biển; tăng cường hợp tác liên kết để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, năng lực phòng, chống và thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, sụt lún đất.

***2.6. Tăng cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; công tác đối ngoại đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước:***

***-*** Quán triệt, triển khai và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược của Đảng, Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh, huấn luyện và diễn tập hàng năm; xây dựng tổ chức Đảng trong lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh toàn diện. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

- Chủ động nắm tình hình, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; giải quyết kịp thời, có hiệu quả, đúng pháp luật các vấn đề, vụ việc phức tạp xảy ra, không để các thế lực thù địch, đối tượng xấu lợi dụng kích động, xúi giục tụ tập đông người gây bất ổn về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; không để hình thành, công khai tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng, thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội. Chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

*- Thực hiện công tác đối ngoại đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước:*Triển khai có hiệu quả hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, chú trọng công tác vận động người Trà Vinh ở nước ngoài. Tập trung vận động tài trợ các dự án ODA, NGO gắn với việc quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà nội, 2021, t.I, tr.34. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam – Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 8/11/1930 – 18/11/2020 [↑](#footnote-ref-2)
3. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.453 [↑](#footnote-ref-3)
4. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.XVI [↑](#footnote-ref-4)
5. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.244 [↑](#footnote-ref-5)
6. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.244 [↑](#footnote-ref-6)
7. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.376 [↑](#footnote-ref-7)
8. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.335 [↑](#footnote-ref-8)
9. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.453 [↑](#footnote-ref-9)
10. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.438 [↑](#footnote-ref-10)
11. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.175 [↑](#footnote-ref-11)
12. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.53 [↑](#footnote-ref-12)
13. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.134 [↑](#footnote-ref-13)
14. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.246 [↑](#footnote-ref-14)
15. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.445 [↑](#footnote-ref-15)
16. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.581 [↑](#footnote-ref-16)
17. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.226 [↑](#footnote-ref-17)
18. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.587 [↑](#footnote-ref-18)
19. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.7 [↑](#footnote-ref-19)
20. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.35 [↑](#footnote-ref-20)
21. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.40 [↑](#footnote-ref-21)
22. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.34 [↑](#footnote-ref-22)
23. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.120 [↑](#footnote-ref-23)
24. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.179 [↑](#footnote-ref-24)
25. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.647 [↑](#footnote-ref-25)
26. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.354 [↑](#footnote-ref-26)
27. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.624 [↑](#footnote-ref-27)
28. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.314 [↑](#footnote-ref-28)
29. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9, tr.518 [↑](#footnote-ref-29)
30. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.175 [↑](#footnote-ref-30)
31. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.453 [↑](#footnote-ref-31)
32. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.64 [↑](#footnote-ref-32)
33. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.391 [↑](#footnote-ref-33)
34. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.92 [↑](#footnote-ref-34)
35. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.284 [↑](#footnote-ref-35)
36. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.16 [↑](#footnote-ref-36)
37. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.606 [↑](#footnote-ref-37)